

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch của Bộ Xây dựng thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 11/11/2022 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 11/11/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 41-NQ/BCSD ngày 01/3/2023 của Ban cán sự Đảng Bộ Xây dựng về lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 11/11/2022 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 52/2022/NĐ-CP ngày 08/8/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát triển đô thị và Chánh Văn phòng Bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch của Bộ Xây dựng thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 11/11/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Phát triển đô thị, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Xây dựng và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: **N**

- Như Điều 3;
- Các đồng chí Thứ trưởng BXD;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu VT, Cục PTĐT.



Nguyễn Thanh Nghị



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH CỦA BỘ XÂY DỰNG

Thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 11/11/2022 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị
(Ban hành kèm theo Quyết định số 143/QĐ-BXD ngày 08 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

Ngày 24/01/2022, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TW về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 06-NQ/TW). Ngày 11/11/2022, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 148/NQ-CP về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 148/NQ-CP).

Nhằm cụ thể hóa và triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 06-NQ/TW và Nghị quyết số 148/NQ-CP nêu trên, Bộ Xây dựng ban hành Kế hoạch thực hiện cụ thể như sau:

I. QUAN ĐIỂM, YÊU CẦU VÀ MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Xác định cụ thể các nội dung công việc và trách nhiệm có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Bộ Xây dựng được giao tại Nghị quyết số 06-NQ/TW và Nghị quyết số 148/NQ-CP để phân công tổ chức triển khai, thực hiện đồng bộ, kịp thời, thống nhất và hiệu quả; đảm bảo việc quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam;

- Các đơn vị chủ trì và các đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công bảo đảm chất lượng, đúng thời gian quy định.

2. Yêu cầu

- Bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng, sự quản lý thống nhất của Nhà nước trong quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo định hướng đã được Bộ Chính trị phê duyệt.

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp ủy đảng thuộc Bộ Xây dựng về vai trò trong công tác quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam.

- Rõ người, rõ việc, rõ đầu mối, rõ đơn vị phối hợp, rõ phạm vi, thời hạn thực hiện, sản phẩm, kết quả hoàn thành.

3. Các mục tiêu cụ thể tại Nghị quyết số 06-NQ/TW và Nghị quyết số 148/NQ-CP có liên quan chức năng, nhiệm vụ của Bộ Xây dựng

- Tỷ lệ đô thị hoá toàn quốc đến năm 2025 đạt tối thiểu 45%, đến năm 2030 đạt trên 50%. Tỷ lệ đất xây dựng đô thị trên tổng diện tích đất tự nhiên đạt khoảng 1,5 - 1,9% vào năm 2025, đến năm 2030 đạt khoảng 1,9 - 2,3%.

- Số lượng đô thị toàn quốc đến năm 2025 khoảng 950 - 1.000 đô thị, đến năm 2030 khoảng 1.000 - 1.200 đô thị. Đến năm 2025, 100% các đô thị hiện có và đô thị mới có quy hoạch tổng thể, quy hoạch phân khu, chương trình cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và phát triển đô thị; bảo đảm tối thiểu 100% đô thị loại III trở lên hoàn thiện tiêu chí phân loại đô thị về cơ sở hạ tầng đô thị, nhất là hạ tầng về y tế, giáo dục, đào tạo và công trình văn hoá cấp đô thị.

Đến năm 2030, hình thành một số trung tâm đô thị cấp quốc gia, cấp vùng đạt các chỉ tiêu về y tế, giáo dục và đào tạo, văn hóa cấp đô thị tương đương mức bình quân của các đô thị thuộc nhóm 4 nước dẫn đầu ASEAN.

- Tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị đạt khoảng 11 - 16% vào năm 2025, 16 - 26% vào năm 2030. Diện tích cây xanh bình quân trên mỗi người dân đô thị đạt khoảng 6 - 8 m² vào năm 2025, khoảng 8 - 10 m² vào năm 2030. Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người tại khu vực đô thị đạt tối thiểu 28 m² vào năm 2025, đến năm 2030 đạt tối thiểu 32 m².

Tầm nhìn đến năm 2045: Tỷ lệ đô thị hoá thuộc nhóm trung bình cao của khu vực ASEAN và châu Á. Hệ thống đô thị liên kết thành mạng lưới đồng bộ, thống nhất, cân đối giữa các vùng, miền, có khả năng chống chịu, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, bảo vệ môi trường, kiến trúc tiêu biểu giàu bản sắc, xanh, hiện đại, thông minh. Xây dựng được ít nhất 5 đô thị đạt tầm cỡ quốc tế, giữ vai trò là đầu mối kết nối và phát triển với mạng lưới khu vực và quốc tế. Cơ cấu kinh tế khu vực đô thị phát triển theo hướng hiện đại với các ngành kinh tế xanh, kinh tế số chiếm tỉ trọng lớn.

II. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU *(chi tiết nội dung các chỉ tiêu, nhiệm vụ được trình bày tại Phụ lục I, Phụ lục II kèm theo Kế hoạch này)*

1. Thống nhất nhận thức, hành động về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam

Nhiệm vụ 1: Thường xuyên, định kỳ tổ chức các hình thức tuyên truyền phổ biến việc triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết số 06-NQ/TW, Nghị quyết số 148/NQ-CP cũng như các Nghị quyết khác của Đảng và Nhà nước liên quan đến quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị.

Đơn vị chủ trì: Cục Phát triển đô thị, Vụ Quy hoạch Kiến trúc, Trung tâm Thông tin; Báo Xây dựng; Tạp chí Xây dựng, Tạp chí Quy hoạch Xây dựng, Tạp chí Kiến trúc Việt Nam, Học viện cán bộ quản lý xây dựng và đô thị và các đơn vị có liên quan.

Thời gian thực hiện: Năm 2023 -2030 (định kỳ thực hiện hàng năm).

2. Nâng cao chất lượng quy hoạch và quản lý quy hoạch đáp ứng yêu cầu xây dựng, quản lý phát triển đô thị bền vững

2.1. Nhiệm vụ 2: Nghiên cứu, đổi mới toàn diện về phương pháp, quy trình, nội dung và sản phẩm quy hoạch đô thị.

- Đơn vị chủ trì: Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn Quốc gia.

- Đơn vị phối hợp: Vụ Quy hoạch Kiến trúc, Cục Phát triển đô thị, Cục Hạ tầng kỹ thuật, Vụ khoa học công nghệ và Môi trường, Viện Kiến trúc Quốc gia.

- Thời gian thực hiện: Đến năm 2024.

2.2. Nhiệm vụ 3: Tổng kết, đánh giá mô hình Ban chỉ đạo quy hoạch và đầu tư xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội.

- Đơn vị chủ trì: Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo Quy hoạch và Đầu tư xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội.

- Đơn vị phối hợp: Vụ Quy hoạch Kiến trúc và các đơn vị có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Đến năm 2025.

2.3. Nhiệm vụ 4: Tổ chức lập Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Đơn vị chủ trì lập: Cục Phát triển đô thị.

- Đơn vị chủ trì thẩm định: Vụ Quy hoạch Kiến trúc.

- Thời gian thực hiện: Đến năm 2023.

2.4. Nhiệm vụ 5: Thực hiện nhiệm vụ số 2 tại Nghị quyết số 148/NQ-CP của Chính phủ.

a) Kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy chế quản lý kiến trúc và các nội dung tại Nhiệm vụ 2 Nghị quyết số 148/NQ-CP của Chính phủ.

- Đơn vị chủ trì: Vụ Quy hoạch Kiến trúc.

- Đơn vị phối hợp: Các đơn vị có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Đến năm 2030 (định kỳ thực hiện hàng năm).

b) Kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch không gian ngầm tại các thành phố trực thuộc trung ương

- Đơn vị chủ trì: Cục Hạ tầng kỹ thuật.

- Đơn vị phối hợp: Các đơn vị có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Đến năm 2030 (định kỳ thực hiện hàng năm).

c) Kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật.

- Đơn vị chủ trì: Cục Hạ tầng kỹ thuật.

- Đơn vị phối hợp: Các đơn vị có liên quan.
- Thời gian thực hiện: Đến năm 2030 (định kỳ thực hiện hàng năm).

2.5. Nhiệm vụ 6: Định kỳ rà soát quy hoạch về giao thông bảo đảm thông suốt và liên kết vùng

- Đơn vị chủ trì: Cục Hạ tầng kỹ thuật theo chức năng, nhiệm vụ.
- Đơn vị phối hợp: Vụ Quy hoạch Kiến trúc, Viện Quy hoạch đô thị nông thôn Quốc gia và các đơn vị có liên quan.
- Thời gian thực hiện: Thực hiện định kỳ theo quy định pháp luật.

2.6. Nhiệm vụ 7: Nghiên cứu, xây dựng Danh mục công trình kiến trúc có giá trị tại các đô thị lớn Việt Nam.

- Đơn vị chủ trì: Vụ Quy hoạch Kiến trúc.
- Đơn vị phối hợp: Viện Kiến trúc Quốc gia và các đơn vị có liên quan.
- Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2023-2025.

3. Thúc đẩy các chương trình, kế hoạch đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại, liên kết, thích ứng với biến đổi khí hậu

3.1. Nhiệm vụ 8: Hướng dẫn để thống nhất rà soát, lập chương trình phát triển đô thị, thực hiện đầu tư có trọng tâm trọng điểm ít nhất 100 đô thị tiêu biểu, có khả năng chống chịu, giảm phát thải, thông minh, có bản sắc và hoàn thiện điều kiện hạ tầng đô thị; tổng hợp nhu cầu cần hỗ trợ để hoàn thành chỉ tiêu đề ra về lập Chương trình phát triển đô thị, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định.

- Đơn vị chủ trì: Cục Phát triển đô thị.
- Đơn vị phối hợp: Cục Hạ tầng kỹ thuật, Cục Kinh tế Xây dựng và các đơn vị có liên quan.
- Thời gian thực hiện: Đến năm 2025.

3.2. Nhiệm vụ 9: Tổng hợp, đề xuất xây dựng Chương trình quốc gia về phát triển đô thị theo quy định pháp luật hiện hành.

- Đơn vị chủ trì: Cục Phát triển đô thị.
- Đơn vị phối hợp: Cục Hạ tầng kỹ thuật, Cục Kinh tế Xây dựng và các đơn vị có liên quan.
- Thời gian thực hiện: Đến năm 2025.

3.3. Nhiệm vụ 10: Vận động, thu hút đầu tư các dự án phát triển đô thị thực hiện Nhiệm vụ 6 Nghị quyết số 148/NQ-CP.

- Đơn vị chủ trì: Cục Phát triển đô thị, Cục Hạ tầng kỹ thuật, Cục Quản lý Nhà và Thị trường Bất động sản theo chức năng nhiệm vụ.
- Đơn vị phối hợp: các Doanh nghiệp thuộc Bộ và các đơn vị có liên quan.
- Thời gian thực hiện: Đến năm 2030 (định kỳ thực hiện hàng năm).

3.4. Nhiệm vụ 11: Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ xây dựng, phát triển đô thị thông minh theo Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018-2025 và định hướng đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018.

- Đơn vị chủ trì: Các đơn vị theo phân công tại Quyết định số 1627/QĐ-BXD ngày 27/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về Kế hoạch triển khai “Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018-2025 và định hướng đến năm 2030”.

- Thời gian thực hiện: Đến năm 2030.

3.5. Nhiệm vụ 12: Xây dựng, phát triển đô thị có năng lực chống chịu, ứng phó biến đổi khí hậu, phát triển các công trình xanh, khu đô thị xanh trong đô thị, đảm bảo chất lượng môi trường, giảm phát thải khí nhà kính và tăng trưởng xanh theo Quyết định số 438/QĐ-TTg ngày 25/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đơn vị chủ trì: Các đơn vị theo phân công tại Quyết định số 910/QĐ-BXD ngày 18/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về kế hoạch triển khai “Đề án Phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó Biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030” và Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050.

- Thời gian thực hiện: Đến năm 2030.

3.6. Nhiệm vụ 13: Kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc việc triển khai thực hiện cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư cũ tại đô thị.

- Đơn vị chủ trì: Cục Quản lý Nhà và Thị trường Bất động sản.

- Đơn vị phối hợp: các Doanh nghiệp thuộc Bộ và các đơn vị có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Đến năm 2030 (định kỳ thực hiện hàng năm).

3.7. Nhiệm vụ 14: Kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc các địa phương thực hiện đầu tư, xây dựng nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp tại đô thị, công nhân khu công nghiệp theo Chiến lược phát triển nhà ở Quốc gia giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045 theo Quyết định số 2161/QĐ-TTg ngày 22/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đơn vị chủ trì: Cục Quản lý nhà và Thị trường Bất động sản.

- Đơn vị phối hợp: các Doanh nghiệp thuộc Bộ và các đơn vị có liên quan.

- Thời gian thực hiện: theo Đề án xây dựng nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp tại đô thị, công nhân khu công nghiệp được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

4. Xây dựng nguồn nhân lực cho phát triển đô thị

4.1. Nhiệm vụ 15: Xây dựng nguồn nhân lực cho phát triển đô thị, thực hiện các nội dung Nhiệm vụ 20 Nghị quyết số 148/NQ-CP.

- Đơn vị chủ trì: Cục Phát triển đô thị.

- Đơn vị phối hợp: Học viện cán bộ quản lý xây dựng và đô thị, Vụ Tổ chức cán bộ, các trường Đại học thuộc Bộ, các đơn vị có liên quan và các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

- Thời gian thực hiện: Đến năm 2030.

4.2. Nhiệm vụ 16: Tổ chức nghiên cứu, tổng kết lý luận và thực tiễn, bồi dưỡng, tập huấn, hướng dẫn các biện pháp tổ chức triển khai các nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 06-NQ/TW, Nghị quyết số 148/NQ-CP đến các Bộ, ngành và địa phương.

- Đơn vị đầu mối tổng hợp báo cáo định kỳ: Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn Quốc gia.

- Đơn vị thực hiện: Vụ Khoa học công nghệ và Môi trường, Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn Quốc gia, Viện Kiến trúc Quốc gia, Viện Kinh tế Xây dựng, Học viện cán bộ quản lý xây dựng và đô thị, các Trường Đại học thuộc Bộ.

- Thời gian thực hiện: Đến năm 2030 (định kỳ thực hiện hàng năm).

5. Xây dựng các cơ chế chính sách, văn bản quy phạm pháp luật

5.1. Nhiệm vụ 17: Nghiên cứu, đề xuất xây dựng Luật điều chỉnh về Quy hoạch đô thị và nông thôn.

- Đơn vị chủ trì: Vụ Quy hoạch Kiến trúc.

- Đơn vị phối hợp: Vụ Pháp chế và các đơn vị có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Đến năm 2024.

5.2. Nhiệm vụ 18: Nghiên cứu, đề xuất xây dựng Luật điều chỉnh về quản lý và phát triển đô thị.

- Đơn vị chủ trì: Cục Phát triển đô thị.

- Đơn vị phối hợp: Vụ Pháp chế và các đơn vị có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Năm 2025.

5.3. Nhiệm vụ 19: Xây dựng Luật Nhà ở (sửa đổi)

- Đơn vị chủ trì: Cục Quản lý Nhà và Thị trường Bất động sản.

- Đơn vị phối hợp: Vụ Pháp chế và các đơn vị có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Năm 2023.

5.4. Nhiệm vụ 20: Xây dựng Luật Kinh doanh bất động sản (sửa đổi).

- Đơn vị chủ trì: Cục Quản lý Nhà và Thị trường Bất động sản.

- Đơn vị phối hợp: Vụ Pháp chế và các đơn vị có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Năm 2023.

5.5. Nhiệm vụ 21: Nghiên cứu, đề xuất xây dựng Luật điều chỉnh về cấp, thoát nước.

- Đơn vị chủ trì: Cục Hạ tầng kỹ thuật.
- Đơn vị phối hợp: Vụ Pháp chế và các đơn vị có liên quan.
- Thời gian thực hiện: Năm 2025.

5.6. Nhiệm vụ 22: Tổ chức nghiên cứu Luật điều chỉnh về quản lý không gian ngầm.

- Đơn vị chủ trì: Cục Hạ tầng kỹ thuật.
- Đơn vị phối hợp: Vụ Pháp chế và các đơn vị có liên quan.
- Thời gian thực hiện: Đến năm 2025.

5.7. Nhiệm vụ 23: Hoàn thiện hành lang pháp lý và mô hình tổ chức phù hợp để Nhà nước quản lý thị trường bất động sản.

- Đơn vị chủ trì: Cục Quản lý Nhà và Thị trường Bất động sản đầu mối phối hợp với Bộ Tài chính.
- Đơn vị phối hợp: Vụ Pháp chế và các đơn vị có liên quan.
- Thời gian thực hiện: Đến năm 2025.

5.8. Nhiệm vụ 24: Rà soát, sửa đổi bổ sung hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị bền vững.

- Đơn vị chủ trì: Vụ Khoa học, công nghệ và Môi trường.
- Đơn vị phối hợp: Các đơn vị có liên quan.
- Thời gian thực hiện: Đến năm 2030.

5.9. Nhiệm vụ 25: Kiểm soát và sử dụng hiệu quả giá trị gia tăng từ đất khi hạ tầng đô thị, nhất là hạ tầng giao thông được đầu tư mở rộng và khai thác quỹ đất hai bên tuyến đường nhằm tạo nguồn thu cho đô thị.

- Đơn vị chủ trì đầu mối phối hợp Bộ Tài chính khi có yêu cầu: Cục Kinh tế Xây dựng.
- Đơn vị phối hợp: Cục Phát triển đô thị, Cục Hạ tầng kỹ thuật, Vụ Quy hoạch Kiến trúc và Viện Kinh tế Xây dựng.
- Thời gian thực hiện: Đến năm 2025.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Thứ trưởng Bộ Xây dựng

1.1. Tập trung chỉ đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch theo các lĩnh vực công tác và đơn vị được phân công phụ trách; chỉ đạo các đơn vị tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp trong Chương trình hành động.

1.2. Kịp thời chỉ đạo xử lý những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện của các đơn vị; trường hợp cần giải quyết các vấn đề khó hoặc có liên quan đến lĩnh vực do Thứ trưởng khác phụ trách thì chủ động trao đổi, giải quyết hoặc báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ

2.1. Nghiên cứu, quán triệt, chủ động lồng ghép các quan điểm chỉ đạo, các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của Nghị quyết số 06-NQ/TW, Nghị quyết số 148/NQ-CP trong các quy hoạch, kế hoạch, chương trình có liên quan để tổ chức thực hiện thành công Nghị quyết số 06-NQ/TW, Nghị quyết số 148/NQ-CP và Kế hoạch này.

2.2. Báo cáo, kiến nghị, đề xuất cấp có thẩm quyền và thực hiện các biện pháp cần thiết đảm bảo việc thực hiện các chỉ tiêu phát triển đô thị quốc gia theo từng giai đoạn đến năm 2025 và năm 2030.

2.3. Theo chức năng nhiệm vụ được giao thực hiện hướng dẫn, kiểm tra các địa phương, phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương, các Hội, Hiệp hội để thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch này.

2.4. Định kỳ hàng năm đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Kế hoạch này và đề xuất kiến nghị, báo cáo Bộ trưởng, Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực đồng thời gửi về Cục Phát triển đô thị **trước ngày 10/12 hàng năm** để tổng hợp.

3. Văn phòng Bộ

Phối hợp với Cục Phát triển đô thị đôn đốc, theo dõi, kiểm tra; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch này trong giao ban công tác của Bộ.

4. Trung tâm Thông tin, Báo Xây dựng, Tạp chí Xây dựng

Tổ chức phổ biến, tuyên truyền rộng rãi Kế hoạch này đến các đơn vị thực hiện chức năng quản lý nhà nước ngành Xây dựng, các hội, hiệp hội, các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực của ngành Xây dựng.

5. Cục Phát triển đô thị

5.1. Đầu mối tham mưu lãnh đạo Bộ để thực hiện nhiệm vụ điều phối, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW, Nghị quyết số 148/NQ-CP tại các Bộ, ngành và địa phương, định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ; tham mưu sơ kết, tổng kết các Nghị quyết.

5.2. Định kỳ rà soát tổng hợp tình hình thực hiện và đề xuất kiến nghị sửa đổi, bổ sung (nếu có) Kế hoạch này, báo cáo lãnh đạo Bộ Xây dựng xem xét, quyết định./.

PHỤ LỤC I

CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Quyết định số 143/QĐ-BXD ngày 08 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu cần đạt được		Đơn vị chủ trì theo dõi, báo cáo
			Đến năm 2025	Đến năm 2030	
1	Tỷ lệ đô thị hóa toàn quốc	%	≥ 45	> 50	Cục Phát triển đô thị
2	Tỷ lệ đất xây dựng đô thị trên tổng diện tích đất tự nhiên	%	1,5 - 1,9	1,9 - 2,3	Cục Phát triển đô thị
3	Số lượng đô thị toàn quốc	Đô thị	950 – 1000	1000 – 1200	Cục Phát triển đô thị
4	Tỷ lệ đô thị loại III trở lên hoàn thiện tiêu chí phân loại đô thị về cơ sở hạ tầng đô thị, nhất là hạ tầng về y tế, giáo dục, đào tạo và công trình văn hoá cấp đô thị	%	100		Cục Phát triển đô thị (đầu mối để phối hợp địa phương)
5	Tỷ lệ phù kín quy hoạch chung, quy hoạch phân khu đô thị.	%	100		Vụ Quy hoạch Kiến trúc
6	Tỷ lệ các đô thị hiện có và đô thị mới có chương trình cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và phát triển đô thị.	%	100		Cục Phát triển đô thị
7	Tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị	%	11 - 16	16 - 26	Cục Hạ tầng kỹ thuật (đầu mối để phối hợp địa phương)
8	Diện tích cây xanh đô thị bình quân trên mỗi người dân đô thị.	m ² / người	6 - 8	8 - 10	Cục Hạ tầng kỹ thuật (đầu mối để phối hợp địa phương)
9	Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người tại khu vực đô thị.	m ² / người	≥ 28	≥ 32	Cục Quản lý Nhà và Thị trường Bất động sản
10	Số lượng đô thị có thương hiệu được công nhận tầm khu vực và quốc tế	Đô thị		3-5	Cục Phát triển đô thị đầu mối để phối hợp với các địa phương
11	Số lượng trung tâm đô thị cấp quốc gia, cấp vùng đạt các chỉ tiêu về y tế, giáo dục và đào tạo, văn hóa cấp đô thị tương đương mức bình quân của các đô thị thuộc nhóm 4 nước dẫn đầu ASEAN	Đô thị		Hình thành một số trung tâm đô thị	Cục Phát triển đô thị đầu mối để phối hợp với các địa phương

PHỤ LỤC II
CÁC NHIỆM VỤ CỤ THỂ TRONG CÁC LĨNH VỰC CỦA BỘ XÂY DỰNG THỰC HIỆN
NGHỊ QUYẾT SỐ 06-NQ/TW VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 148/NQ-CP
(Kèm theo Quyết định số: 143 /QĐ-BXD ngày 08 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

Nhiệm vụ	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện		Nguồn vốn thực hiện	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm hoàn thành
		Chủ trì	Phối hợp			
I	Thống nhất nhận thức, hành động về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam					
1	Thường xuyên, định kỳ tổ chức các hình thức tuyên truyền phổ biến và đánh giá việc triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết số 06-NQ/TW, Nghị quyết số 148/NQ-CP cũng như các Nghị quyết khác của Đảng và Nhà nước liên quan đến quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị.	Cục Phát triển đô thị, Vụ Quy hoạch Kiến trúc, Trung tâm Thông tin; Báo Xây dựng; Tạp chí Xây dựng, Tạp chí Quy hoạch Xây dựng, Tạp chí Kiến trúc Việt Nam, Học viện cán bộ quản lý xây dựng và đô thị.	Các đơn vị có liên quan	Ngân sách nhà nước và các nguồn huy động hợp pháp khác	Năm 2023 -2030 (thường xuyên, thực hiện hàng năm)	Các sản phẩm thông tin truyền thông, báo hình, báo viết và các hình thức khác
II	Nâng cao chất lượng quy hoạch và quản lý quy hoạch đáp ứng yêu cầu xây dựng, quản lý phát triển đô thị bền vững					
2	Nghiên cứu đổi mới toàn diện về phương pháp, quy trình, nội dung và sản phẩm quy hoạch đô thị	Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn Quốc gia	Vụ Quy hoạch Kiến trúc, Cục Phát triển đô thị, Cục Hạ tầng kỹ thuật, Vụ Khoa học Công nghệ, Viện Kiến trúc Quốc gia	Ngân sách nhà nước	Năm 2024	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ

Nhiệm vụ	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện		Nguồn vốn thực hiện	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm hoàn thành
		Chủ trì	Phối hợp			
3	Tổng kết, đánh giá mô hình Ban Chỉ đạo quy hoạch và đầu tư xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội.	Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo Quy hoạch và Đầu tư xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội	Vụ Quy hoạch Kiến trúc và các đơn vị có liên quan	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác	Năm 2025	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ
4	Tổ chức lập Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	-Chủ trì lập: Cục Phát triển đô thị. -Chủ trì thẩm định: Vụ Quy hoạch Kiến trúc.	Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn Quốc gia và các đơn vị có liên quan	Ngân sách nhà nước	Năm 2023	Hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt
5	Thực hiện nhiệm vụ số 2 tại Nghị quyết số 148/NQ-CP của Chính phủ					
a)	Kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy chế quản lý kiến trúc và các nội dung tại nhiệm vụ 2 Nghị quyết số 148/NQ-CP	Vụ Quy hoạch Kiến trúc	Các đơn vị có liên quan	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác	2030 (định kỳ thực hiện hàng năm)	Văn bản kiểm tra, hướng dẫn đôn đốc các địa phương.
b)	Kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch không gian ngầm tại các thành phố trực thuộc trung ương	Cục Hạ tầng kỹ thuật.	Các đơn vị có liên quan.	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác	2030 (định kỳ thực hiện hàng năm)	Văn bản kiểm tra, hướng dẫn đôn đốc các địa phương.
c)	Kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật.	Cục Hạ tầng kỹ thuật.	Các đơn vị có liên quan.	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác	2030 (định kỳ thực hiện hàng năm)	Văn bản kiểm tra, hướng dẫn đôn đốc các địa phương.

Nhiệm vụ	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện		Nguồn vốn thực hiện	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm hoàn thành
		Chủ trì	Phối hợp			
6	Định kỳ rà soát quy hoạch về giao thông bảo đảm thông suốt và liên kết vùng	Cục Hạ tầng kỹ thuật theo chức năng nhiệm vụ	Vụ Quy hoạch kiến trúc, Viện Quy hoạch đô thị nông thôn Quốc gia và các đơn vị có liên quan.	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác	Thực hiện định kỳ theo quy định pháp luật	Báo cáo cơ quan có thẩm quyền
7	Nghiên cứu, xây dựng Danh mục công trình kiến trúc có giá trị tại các đô thị lớn Việt Nam	Vụ Quy hoạch Kiến trúc	Viện Kiến trúc Quốc gia và các đơn vị có liên quan	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác	Giai đoạn 2023-2025	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt danh mục
III	Thúc đẩy các chương trình, kế hoạch đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại, liên kết, thích ứng với biến đổi khí hậu					
8	Hướng dẫn để thống nhất rà soát, lập chương trình phát triển đô thị để thực hiện đầu tư có trọng tâm trọng điểm ít nhất 100 đô thị tiêu biểu, có khả năng chống chịu, giảm phát thải, thông minh, có bản sắc và hoàn thiện điều kiện hạ tầng đô thị; tổng hợp nhu cầu cần hỗ trợ để hoàn thành chỉ tiêu đề ra về lập Chương trình phát triển đô thị.	Cục Phát triển đô thị.	Cục Hạ tầng kỹ thuật, Cục Kinh tế xây dựng và các đơn vị có liên quan.	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác	Năm 2025	- Văn bản hướng dẫn các địa phương. - Báo cáo Thủ tướng Chính phủ.
9	Tổng hợp, đề xuất xây dựng Chương trình quốc gia về phát triển đô thị theo quy định pháp luật hiện hành.	Cục Phát triển đô thị.	Cục Hạ tầng kỹ thuật, Cục Kinh tế Xây dựng và các đơn vị có liên quan.	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác	Năm 2025	Báo cáo cấp có thẩm quyền

Nhiệm vụ	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện		Nguồn vốn thực hiện	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm hoàn thành
		Chủ trì	Phối hợp			
10	Vận động, thu hút đầu tư các dự án phát triển đô thị thực hiện Nhiệm vụ 6 Nghị quyết số 148/NQ-CP	Cục Phát triển đô thị, Cục Hạ tầng kỹ thuật, Cục Quản lý Nhà và Thị trường Bất động sản theo chức năng nhiệm vụ.	Các Doanh nghiệp thuộc Bộ và các đơn vị có liên quan.	Ngân sách nhà nước	Năm 2030 (định kỳ thực hiện hàng năm)	Các Chương trình, Dự án, Đề án, Kế hoạch được duyệt và thực hiện.
11	Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ xây dựng, phát triển đô thị thông minh theo Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025 và định hướng đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018.	Các đơn vị theo phân công tại Quyết định số 1627/QĐ-BXD ngày 27/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng	Các đơn vị có liên quan.	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác	Năm 2030	Sản phẩm theo yêu cầu tại Quyết định số 1627/QĐ-BXD ngày 27/12/2018
12	Xây dựng, phát triển đô thị có năng lực chống chịu, ứng phó biến đổi khí hậu, phát triển các công trình xanh, khu đô thị xanh trong đô thị, đảm bảo chất lượng môi trường, giảm phát thải khí nhà kính và tăng trưởng xanh theo Quyết định số 438/QĐ-TTg ngày 25/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ.	Các đơn vị theo phân công tại Quyết định số 910/QĐ-BXD ngày 18/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ	Các đơn vị có liên quan.	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác	Năm 2030	Sản phẩm theo yêu cầu tại Quyết định 910/QĐ-BXD ngày 18/10/2022.

Nhiệm vụ	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện		Nguồn vốn thực hiện	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm hoàn thành
		Chủ trì	Phối hợp			
13	Kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc việc triển khai thực hiện cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư cũ tại đô thị	Cục Quản lý Nhà và Thị trường Bất động sản	Các Doanh nghiệp thuộc Bộ và các đơn vị có liên quan	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác	Đến năm 2030 (định kỳ thực hiện hàng năm)	Văn bản kiểm tra, hướng dẫn đôn đốc các địa phương.
14	Kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc các địa phương thực hiện đầu tư, xây dựng nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp tại đô thị, công nhân khu công nghiệp theo Chiến lược phát triển nhà ở Quốc gia giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045 theo Quyết định số 2161/QĐ-TTg ngày 22/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ	Cục Quản lý nhà và Thị trường Bất động sản	Các Doanh nghiệp thuộc Bộ và các đơn vị có liên quan	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác	Theo Đề án xây dựng nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp tại đô thị, công nhân KCN được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.	Văn bản kiểm tra, hướng dẫn đôn đốc các địa phương.
IV	Xây dựng nguồn nhân lực cho phát triển đô thị					
15	Xây dựng nguồn nhân lực cho phát triển đô thị thực hiện các nội dung Nhiệm vụ 20 Nghị quyết số 148/NQ-CP	Cục Phát triển đô thị	Học viện cán bộ quản lý xây dựng và đô thị, Vụ Tổ chức cán bộ, các trường Đại học thuộc Bộ các đơn vị liên quan và các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác	Năm 2030	Các Chương trình đào tạo nâng cao năng lực tại Trung ương và địa phương

Nhiệm vụ	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện		Nguồn vốn thực hiện	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm hoàn thành
		Chủ trì	Phối hợp			
16	Tổ chức nghiên cứu, tổng kết lý luận và thực tiễn, bồi dưỡng, tập huấn, hướng dẫn các biện pháp tổ chức triển khai các nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 06-NQ/TW, Nghị quyết số 148/NQ-CP đến các Bộ, ngành và địa phương.	Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn Quốc gia đầu mối tổng hợp, báo cáo định kỳ	Vụ Khoa học công nghệ, Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn Quốc gia, Viện Kiến trúc Quốc gia, Viện Kinh tế xây dựng, Học viện cán bộ quản lý xây dựng và đô thị và các Trường Đại học thuộc Bộ.	Ngân sách nhà nước	Năm 2030 (định kỳ thực hiện hàng năm)	Báo cáo cấp có thẩm quyền
V	Xây dựng các cơ chế chính sách, văn bản quy phạm pháp luật					
17	Nghiên cứu, đề xuất xây dựng Luật điều chỉnh về Quy hoạch đô thị và nông thôn	Vụ Quy hoạch Kiến trúc	Vụ Pháp chế và các đơn vị có liên quan	Ngân sách nhà nước	Năm 2024	Hồ sơ xây dựng Luật theo quy định pháp luật
18	Nghiên cứu, đề xuất xây dựng Luật điều chỉnh về quản lý và phát triển đô thị	Cục Phát triển đô thị	Vụ Pháp chế và các đơn vị có liên quan	Ngân sách nhà nước	Năm 2025	Hồ sơ đề xuất xây dựng Luật theo quy định pháp luật
19	Xây dựng Luật Nhà ở (sửa đổi)	Cục Quản lý Nhà và Thị trường Bất động sản	Vụ Pháp chế và các đơn vị có liên quan	Ngân sách nhà nước	Năm 2023	Luật Nhà ở (sửa đổi)
20	Xây dựng Luật Kinh doanh bất động sản (sửa đổi)	Cục Quản lý Nhà và Thị trường Bất động sản	Vụ Pháp chế và các đơn vị có liên quan	Ngân sách nhà nước	Năm 2023	Luật Kinh doanh bất động sản (sửa đổi)

Nhiệm vụ	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện		Nguồn vốn thực hiện	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm hoàn thành
		Chủ trì	Phối hợp			
21	Nghiên cứu, đề xuất xây dựng Luật điều chỉnh về cấp, thoát nước	Cục Hạ tầng Kỹ thuật	Vụ Pháp chế và các đơn vị có liên quan	Ngân sách nhà nước	Năm 2025	Hồ sơ đề xuất xây dựng Luật theo quy định pháp luật
22	Tổ chức nghiên cứu Luật điều chỉnh về quản lý không gian ngầm	Cục Hạ tầng Kỹ thuật	Vụ Pháp chế và các đơn vị có liên quan	Ngân sách nhà nước	Năm 2025	Hồ sơ đề xuất xây dựng Luật theo quy định pháp luật
23	Hoàn thiện hành lang pháp lý và mô hình tổ chức phù hợp để Nhà nước quản lý thị trường bất động sản.	Cục Quản lý Nhà và Thị trường Bất động sản	Vụ Pháp chế và các đơn vị có liên quan	Ngân sách nhà nước	Năm 2025	Nội dung phối hợp với Bộ Tài chính
24	Rà soát, sửa đổi bổ sung hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị bền vững	Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường	Các đơn vị có liên quan	Ngân sách nhà nước	Năm 2030	Các quy chuẩn, tiêu chuẩn được ban hành theo thẩm quyền
25	Kiểm soát và sử dụng hiệu quả giá trị gia tăng từ đất khi hạ tầng đô thị, nhất là hạ tầng giao thông được đầu tư mở rộng và khai thác quỹ đất hai bên tuyến đường nhằm tạo nguồn thu cho đô thị.	Cục Kinh tế Xây dựng đầu mối phối hợp với Bộ Tài chính khi có yêu cầu	Cục Phát triển đô thị, Cục Hạ tầng kỹ thuật, Vụ Quy hoạch Kiến trúc và Viện Kinh tế Xây dựng.	Ngân sách nhà nước	Năm 2025	Nội dung phối hợp với Bộ Tài chính